

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST

Ngày 18 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2020/TLST - HS ngày 07 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1959 và bà Lê Yến N, sinh năm 1970; chồng: Phạm Quang N, sinh năm 1984; con: Có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 19/01/2020 đến ngày 22/01/2020 quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Chị Vũ Thị G, sinh năm 1997; vắng mặt.

2/ Chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1998; vắng mặt.

3/ Chị Nguyễn Kim Ng, sinh năm 1995; vắng mặt.

4/ Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1978; vắng mặt.

5/ Bà Đoàn Thị a, sinh năm 1984; vắng mặt.

6/ Ông Nguyễn Cao Đ, sinh năm 1956; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/5/2019, chị Hoàng Thị M có vay của Nguyễn Thị T số tiền 4.500.000đ để mua điện thoại và hẹn 10 ngày sau sẽ trả số tiền trên cho T. Khi đến hẹn chị M vẫn chưa trả cho T số tiền trên mà thất hứa rất nhiều lần. Ngày 18/01/2020 T gọi điện thoại cho chị M đến quán bán cháo của T tại số 223, đường T thuộc phường H, thành phố Phủ Lý để T dẫn M đi vay tiền trả nợ T. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, chị M đến quán của T thì T bảo đi về nhà nói chuyện rồi lấy xe đạp điện chở chị M về nhà T. Khi về đến nhà, do bức xúc vì đã nhiều lần đòi tiền nhưng M đều không trả nên T chửi M rồi túm tóc tát ba nhát vào mặt chị M, kéo ấn đầu chị M vào gối của mình, chị M bị đánh nhưng không nói gì. Sau đó, T gọi điện cho Vũ Thị G đến với mục đích hỏi G xem có nhận M làm nhân viên phục vụ quán hát không, khi G đến phát hiện M đang có thai nên nói với M nếu đồng ý làm thuê cho G thì G trả nợ cho nhưng M từ chối không chấp thuận, G không nói gì mà đi về luôn. Do máy điện thoại hết pin nên M hỏi mượn T sạc điện thoại, T đã điện cho Phạm Thị Thu Tr mang sạc pin điện thoại cho M mượn. Tr đi cùng Nguyễn Kim Ng đến nhà T đưa sạc điện thoại cho M mượn. Ng, Tr, T và M nói chuyện và đều biết M đang có thai em bé 6 tháng tuổi.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T yêu cầu M gọi điện thoại cho người nhà mang tiền đến trả nợ, M không nói gì. Sau đó T khóa cửa nhốt chị M ở trong nhà và đi ra quán bán cháo của mình để bán hàng. Trong thời gian ở trong nhà T, M vẫn nhắn tin, gọi điện thoại cho gia đình, bạn bè vay tiền nhưng không được. Do không vay được tiền nên M đã điện thông báo nội dung bị T nhốt, giữ trong nhà cho bố mẹ là ông Hoàng Văn B và bà Đào Thị H biết. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T về nhà mở cửa rồi chở M đi ra cửa hàng cháo giữ M ở quán bán cháo và tiếp tục yêu cầu M gọi gia đình đến trả nợ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày gia đình chị M đã đến Công an thành phố Phủ Lý trình báo. Ngay sau đó lực lượng Công an đã đưa những người có liên quan về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng – trắng do Nguyễn Thị T tự nguyện giao nộp.

Ngày 19/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đưa chị Hoàng Thị M đi khám sức khỏe tại Bệnh viện Sản nhi tỉnh Hà Nam xác định chị M có thai 23 tuần tuổi.

Ngày 07/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã ra Quyết định số 44/QĐ – CQĐT trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam giám định thương tích đối với chị Hoàng Thị M song chị M đã từ chối việc giám định.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS-PL ngày 07/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố Nguyễn Thị T về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau

khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề xuất Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Giữ người trái pháp luật”. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu vàng – trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị M đã nhận đủ 3.000.000đ do bị cáo T bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và rất ăn năn hối hận về hành vi nông nổi, thiếu hiểu biết pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để làm ăn lương thiện, nuôi hai con nhỏ học hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản T giữ và niêm phong vật chứng, kết luận của Cơ quan chuyên môn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn trong việc vay nợ tiền, trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút ngày 18/01/2020, tại nhà của Nguyễn Thị T ở tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và tại quán bán cháo của T ở số 223, đường T thuộc phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Thị T đã có hành vi giữ chị Hoàng Thị M trái pháp luật mà bị cáo biết rõ là chị M đang mang thai (theo kết luận của cơ quan y tế thai nhi được 23 tuần tuổi) nhằm mục đích ép chị M phải trả số tiền 4.500.000đ do chị M vay T từ trước đó thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý bắt giữ và đưa về trụ sở làm việc. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với bị cáo tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Đánh giá về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân được pháp luật bảo vệ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ kéo theo nhiều hệ lụy trong đời sống cộng đồng dân cư gây bất bình sâu sắc trong dư luận xã hội. Do đó, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đã thực hiện.

Khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Hoàng Thị M số tiền 3.000.000đ để khắc phục hậu quả, chị M đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo xuất trình bổ sung tài liệu về việc ông nội bị cáo tham gia cách mạng được tặng huân chương kháng chiến, đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo đang nuôi dạy hai con còn thơ dại. Trong vụ án này, bị hại cũng phần nào có lỗi khi nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong giao dịch vay tài sản vẫn không trả nợ dẫn đến việc bị cáo bức xúc, quá tức giận mà phạm tội. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng án treo. Do đó, HĐXX thấy không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly với xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát trong thời gian thử thách cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật với người lần đầu phạm tội biết ăn năn hối cải.

[4] Các tình tiết khác của vụ án.

Đối với hành vi gây thương tích cho chị Hoàng Thị M của Nguyễn Thị T, chị M từ chối giám định nên không xác định được mức độ tổn hại sức khỏe. Do vậy, HĐXX không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị T về hành vi này.

Đối với chị Vũ Thị G, Phạm Thị Thu Tr, Nguyễn Kim Ng có đến gặp Nguyễn Thị T và Hoàng Thị M, nhưng không biết việc Nguyễn Thị T giữ chị M trái pháp luật nên không xem xét xử lý trách nhiệm là phù hợp pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường về sức khỏe, tinh thần cho chị M với số tiền là 3.000.000đ. Chị M không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng – trắng, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 136; 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt Nguyễn Thị T 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng:

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng – trắng.

(Vật chứng có đặc điểm, tình trạng được ghi trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý ngày 16/4/2020).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị M Oanh